

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT

Ngày 22/3/2022

*V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc

-Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLPT- DS, ngày 07 tháng 01 năm 2022, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST, ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2022/QĐ – PT, ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: tổ H, ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1931. Địa chỉ: Tổ H, ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn M là bà Trần Thị Mười H, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ H, ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2022) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn M là Luật sư Trần Văn V (văn phòng Luật sư Trần Văn V) thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt)

- Anh Lê Hồng L, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt)

- Chị Lê Thanh T, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ H, ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1935. Địa chỉ: tổ H, ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Nh là bà Trần Thị Mười H, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ H, ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2022)

- Bà Trần Thị Mười H, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ H, ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp Đông H, xã Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1946. Địa chỉ: ấp Đông H M, xã Đông Th, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* ông Trần Văn M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Nguồn gốc phần đất thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.110m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long là của ông bà ông Trần Văn T. Trước đây mẹ ông là bà Mạch Thị L kết hôn với ông Trần Văn T và sinh được 03 người con trong đó có ông M, đến khoảng năm 1949 ông T chết thì mẹ ông tái giá với cha của ông là ông Lê Hồng H và sinh được hai người con là ông và một người chị. Lúc này gia đình của ông T cho bà L và ông H một phần đất để sinh sống nuôi các con và đó là thửa đất số 37, tọa lạc ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Ông sống chung với bà L và ông H trong căn nhà cất trên thửa đất 37 từ khi sinh ra (năm 1958) cho đến nay. Năm 1986 ông H chết không để lại di chúc, bà L có nói với những người con trong gia đình là chia cho ông một phần đất để cất nhà ở. Năm 1991 khi nhà nước đo đạc ông không có mặt ở nhà, mẹ ông là bà L để cho ông Trần Văn M (anh cùng mẹ khác cha với ông) đứng tên toàn bộ thửa đất số 37, trong đó có phần của ông được bà L cho. Đến năm 1996 ông tháo dỡ nhà cũ xây dựng nhà mới kiên cố sống chung với bà L, ông M cũng thống nhất để cho ông xây

dựng nhà, không ngăn cản cũng không tranh chấp, năm năm 1998 bà L chết ông tiếp tục ở trên đất và thờ cúng cha mẹ ông bà cho đến nay.

Đến năm 2010 khi đo đạc theo dự án V Lap ông yêu cầu ông M tách phần đất mà ông đang ở diện tích khoảng 195,8m², ông M đồng ý đứng ra chỉ ranh, cắm trụ và ký tên vào biên bản đo đạc để tách thửa nên ông và vợ Nguyễn Thị Thu H được đăng ký thửa số 84, tờ bản đồ số 14, diện tích 195.8m², đất ở và đất trồng cây lâu năm. Sau khi đo đạc cắm trụ ranh xong, ông yêu cầu ông M đến phòng tài nguyên và môi trường để ký tên tách thửa, nhưng ông M không đồng ý đi ký tên nên ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích 195,8m², loại đất ở nông thôn thuộc một phần thửa 37 tọa lạc ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Mười H là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Văn M trình bày: năm 1947 ông nội của bà là cụ Trần Văn T chết thì bà nội tên Mạch Thị L tái giá với Lê Hồng H (cha của ông Lê Văn Đ), các anh em của ông T không cho bà L và ông H ở trên đất nên bà L và ông H đi qua phần đất khác ở. Sau đó anh em trong gia đình sợ mất đất nên kêu cha của bà là ông Trần Văn M về ở, đến khoảng năm 1949 thì bà L và ông H trở về ở chung với ông M, sau đó ông M lập gia đình cất nhà ở riêng kế bên.

Khi bà L về ở là cất nhà cây vách lá, đến năm 1995 thì xây nhà kiên cố, sau khi xây nhà kiên cố được khoảng 02 năm thì bà L chết, ông Đ tiếp tục ở cho đến nay. Vào khoảng năm 1993 ông M làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L nói là cho ông M đứng tên toàn bộ thửa đất số 37. Năm 1995 khi ông Đ xây nhà kiên cố có hỏi ông M để xây, do lúc đó bà L còn sống và sống chung với ông Đ nên ông M đồng ý cho ông Đ xây nhà, nhưng ông M cho ở nhờ chứ không phải cho luôn. Vì vậy ông Đ muốn được ở trên đất thì phải trả giá trị đất theo biên bản định giá ngày 27/9/2019 với giá là 1.000.000đ/m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST, ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã xử:

Căn cứ vào các Điều 5, 35, 39, 147, 165, 166, khoản 2 Điều 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 100 và 203 của Luật đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ.

Công nhận cho ông Lê Văn Đ được quyền sử dụng đất tách thửa số 37-1, diện tích 161m², thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể tại các mốc 3-4- 5-6-3. (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/3/2021).

Ông Lê Văn Đ được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc công nhận tách thửa 37-2, diện tích 45.3m², thuộc một phần của thửa đất số 37, tọa lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/11/ 2021 bị đơn ông Trần Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận cho ông M thửa đất số 37-1, diện tích 161m², thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nếu nguyên đơn muốn được sử dụng đất thì phải trả giá trị đất 1.000.000đ/m² và chị Trần Thị Mười H thừa nhận thửa đất số 37 trước đây của ông M diện tích 1.110m², tách ra ông M đăng ký thửa mới 91, tờ bản đồ số 14, diện tích 778,5m², ông Đ đăng ký thửa số 84, tờ bản đồ số 14, diện tích 195.8m² và phần còn lại do bị sạt lở.

Đối với nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, công nhận phần đất tranh chấp cho nguyên đơn được quản lý, sử dụng, không phải trả giá trị đất cho bị đơn. Vì phần đất tranh chấp nguyên đơn được mẹ ruột cho và nguyên đơn ở trên đất từ năm 1958 cho đến nay.

Người làm chứng bà Lê Thị H trình bày: bà là chị ruột của ông Đ và cùng mẹ khác cha với ông M. Bà và ông Đ sinh sống với cụ L trên phần đất tranh chấp từ khi sinh ra cho đến khi bà lập gia đình ra ở riêng. Trước đây ông M đi hoạt động cách mạng, ông Đ ở nhà trông coi gìn giữ đất, thờ cúng ông bà tổ tiên nên nay đất mới còn. Nguồn gốc đất là của cụ L cho ông Đ, nhưng vì là anh em ruột thịt trong nhà và việc tách thửa thủ tục rườm rà nên cụ L mới để cho ông M đứng tên toàn bộ thửa đất và cụ L có nói với các con trong gia đình cho ông Đ phần đất có căn nhà đang ở. Ông M cho rằng cho ông Đ ở nhờ trên đất là không chính xác, sai thực tế. Đề nghị hội đồng xét xử công nhận đất cho ông Đ.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn:

Tranh chấp này là tranh chấp trong nội bộ gia đình, nguồn gốc đất là của ông bà nội ông M, ông Đ và ông M là anh em cùng mẹ khác cha. Ông M là người đăng ký đất. Ông M cho ông Đ ở nhờ và trong quá trình ở trên đất ông Đ lấn ranh nên ông M mới cắm trụ ranh để ông Đ không được lấn thêm chứ không phải ông M cắm ranh cho luôn. Ông M đứng tên quyền sử dụng đất hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ, không cho ở trên đất nữa thì phải di dời đi. Việc ông Đ kê khai đăng ký không có giá trị pháp lý, nếu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ cũng không có giá trị, vì giấy chứng nhận QSDĐ của ông M được cấp trước. Từ đó đề nghị Hội đồng

xét xử buộc ông Đ phải di dời nhà trả đất cho ông M và ông M hỗ trợ chi phí do dời 20.000.000đ. Nếu công nhận đất cho ông Đ thì phải trả giá trị 1.000.000đ/m².

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: nguồn gốc đất là của ông bà ông Đ và ông M, ông Đ được cho vào năm 1991, lúc này cụ láng còn sống, khi dỡ nhà tạm làm nhà mới ông M không ngăn cản tranh chấp. Đến năm 1998 cụ L chết, đến năm 2010 đo đạc theo dự án Vlap ông M đứng ra cắm ranh cho ông Đ sử dụng đất nên ông Đ được kê khai, đăng ký. Ông Đ sinh sống với cụ L trên đất từ khi sinh ra cho đến nay. Vì vậy yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 30/2021/DS-ST, ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Ngày 21/10/2021 Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh tuyên án sơ thẩm, đến ngày 01/11/2021 bị đơn ông Trần Văn M kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- *Về nội dung:*

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M:

Ông Trần Văn M yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng thửa đất số 37-1, diện tích 161m², thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 6, toạ lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Nếu công nhận đất cho nguyên đơn thì buộc trả giá trị 1.000.000đ/m², xét thấy:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp thửa số 37-1, diện tích 161m² thuộc một phần thửa số 37 diện tích chung là 1.110m², tờ bản đồ số 6, toạ lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc của cụ Mạch Thị L. Cụ L làm căn nhà tạm ở trên đất với các con và cụ H (chết 1986). Năm 1991 ông Đ không có ở nhà nên cụ L để cho ông Trần Văn M (anh cùng cha khác mẹ với ông Đ) đăng ký toàn bộ thửa đất số 37, trong đó có phần đất cụ L đang ở và sau này cụ L cho ông Đ. Đến năm 1996 ông Đ dỡ bỏ căn nhà cũ, xây dựng lại căn nhà kiên cố trên phần đất cụ L cho và sống chung với cụ L. Ông M nhà ở liền kề biết ông Đ xây nhà mới nhưng không phản đối hay tranh chấp với ông M và cụ L. Năm 1998 cụ L chết, ông Đ vẫn tiếp tục ở trên đất cho đến nay. Đến năm 2010 khi đo đạc theo dự án Vlap ông M đứng ra cấm trụ ranh để tách đất cho ông Đ nên ông Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H được đăng ký phần đất có diện tích 195,8m², thuộc tách thửa số 84, tờ bản đồ số 14 (nằm trong thửa 37, diện tích chung 1.110m², tờ bản đồ số 6), toạ lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh. Ông Đ sinh sống trên đất từ khi sinh ra cho đến nay, tức là ông Đ đã ở trước khi ông M được bà L cho đăng ký đất.

Tại công văn số 274/UBND-NC, ngày 10/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh xác định: theo tư liệu đo đạc thực hiện dự án Vlap, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.110m² do ông Trần Văn M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia thành hai thửa:

Thửa số 84, tờ bản đồ số 14, diện tích 195.8m², do hộ ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H kê khai đăng ký.

Thửa số 91, tờ bản đồ số 14, diện tích 778.5m², do ông Trần Văn M kê khai đăng ký, hiện tại ông M đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Mười H (con ruột ông M).

Từ những phần tích nêu trên có căn cứ xác định thửa số 37-1, diện tích 161m² (theo chương trình Vlap là thửa số 84, tờ bản đồ số 14, diện tích 195,8m²) thuộc một phần thửa số 37 diện tích chung là 1.110m², tờ bản đồ số 6, toạ lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Do đó Bản án sơ thẩm xử công nhận cho ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Mười H đại diện hợp pháp cho ông Trần Văn M trình bày cho ông Đ ở nhờ trên đất nên yêu cầu ông Đ phải trả lại đất, nếu công nhận đất cho ông Đ thì phải trả giá trị đất 1.000.000/m² là không phù hợp với thực tế sử dụng đất, không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M.

[3] Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không có căn cứ, hội đồng xét xử chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 30 /2021/DS-ST ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí 300.000đ, nhưng ông M là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm cho ông M.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng và về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 165, Điều 166, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ.

1. Công nhận cho ông Lê Văn Đ được quyền sử dụng tách thửa 37-1, diện tích 161m², đất ở và đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Gồm các mốc giới 3-4-5-6-3 (*Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/3/2021 của phòng tài nguyên và môi trường thị xã Bình Minh*).

Ông Lê Văn Đ được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc công nhận tách thửa 37-2, diện tích 45.3m², thuộc một phần của thửa đất số 37, tọa lạc tại ấp M Th M, xã M H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long do rút yêu cầu.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm cho ông Trần Văn M.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng và về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TANDTX Bình Minh;
- CC THADSTX Bình Minh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình